TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST.
Ngày: 25-01-2024.
V/v: "T/C HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Qúy C.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Đ.

2. Ông Nguyễn Văn H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Cao Th – Thư ký TAND huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tùng L – Kiểm sát viên.

Ngày 25-01-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST–DS ngày 18-10-2023 "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-ST ngày 04-01-2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: 71AÔ 3 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ.

2/ Các bị đơn: ông Phạm Chí T, sinh năm: 1982 và bà Võ Ngọc Đ, sinh năm 1982 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ.

3/ Người có quyền nghĩa vụ liên quan và làm chứng: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: 71AÔ 3 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ.

4/ Người làm chứng: bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: 54B khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:

Vì chỗ quen biết nhau nên bà H có cho vợ chồng ông T bà Đ vay nhiều lần cụ thể như sau: Vào ngày 26-11-2022 bà H cho vợ chồng ông T vay số tiền 50.000.000đ không làm giấy tờ nhưng có người làm chứng là bà Huỳnh Thị Kim C đứng ra đưa tiền cho ông Thọ. Đến ngày 07-12-2022 bà Chđưa tiếp cho ông T10.000.000đ, đến chiều cùng ngày bà H đưa tiếp cho ông T 10.000.000đ cũng không làm giấy. Ngày 08-12-2022 ông T kêu bà H cho mượn 5.000.000đ để chuyển bạn ở xã Tam Phước, huyện Long Điền. Qua ngày 09-12-2022 bà H chuyển khoản cho bà Đ 2 lần (lần 19.000.000đ và lần 1.000.000đ). Ngoài ra vào ngày nào không nhớ bà H có cho ông T mượn 3.000.000đ để mua đồ. Tổng cộng ông T bà Đ vay của bà H là 98.000.000đ với lãi suất thỏa thuận. Sau khi vay vợ chồng ông T trả lãi được 02 lần (ngày 28-12-2022 ông T kêu ông D chuyển 7.500.000đ, ngày 03-02-2023 ông T kêu ông D chuyển 7.500.000đ tổng cộng 17.000.000đ) rồi ngưng cho đến nay. Tháng 3-2023 vợ chồng ông Tnói không thể trả lãi nữa và yêu cầu trả gốc là 100.000.000đ được bà H đồng ý. Ngày 05-4-2023 bà Đ chuyển trả 5.000.000đ, ngày 05-5-2023 bà Đ chuyển trả thêm 5.000.000đ tổng cộng 10.000.000đ tiền gốc còn lại 90.000.000đ đến nay vẫn chưa trả. Khi ông Tvay tiền của bà H, bà Đ có biết và bà Đ dùng số tiền này đi cho người khác vay lại để có thu nhập nên bà Đcó trách nhiệm cùng với ông Ttrả nợ cho bà H.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông T bà Đ trả cho bà H số tiền 90.000.000đ ngoài ra không còn khoản nào khác.

- *Theo bản khai và quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Chí T trình bày*: ông Tvà bà Đ là vợ chồng, qua lời trình bày của bà H về vấn đề vay tiền thì ông T có ý kiến như sau: ông T thừa nhận có vay tiền của bà H với những lần theo như lời trình bày của bà Hg là đúng sự thật. Tuy nhiên số tiền vay trên ông T đã trả xong nên việc bà H cho rằng ông T còn nợ thì bà H cung cấp giấy tờ vay mượn tiền rồi ông T sẽ trả.

Việc ông T trả nợ cho bà H được thực hiện như sau: ông T quen bà H qua Facebook nên có hỏi về chổ ở và công việc làm ăn, sau khi biết nhau bà H muốn làm ăn chung nên bà H đưa số tiền 70.000.000đ không làm giấy, thời gian nào không nhớ và hàng tháng ông Tđưa tiền lời đầy đủ, sau thời gian chồng của bà H phát hiện giữa ông T với bà H qua lại làm ăn chung nên chồng bà H phân bì sao không làm giấy thì ông Tcầm 70.000.000đ trả cho bà H.

Sau đó để tin tưởng trong làm ăn nên ông T với bà H làm giấy mượn tiền nhưng thực tế bà H không đưa tiền cho ông T một lần mà đưa nhiều lần. Lúc này bà Đphát hiện việc qua lại giữa ông T với bà H nên ông T chuyển trả trước cho bà H vào ngày 01-10-2022 với số tiền 105.000.000đ. Cho nên số tiền bà H bà Chđưa sau này được xem như là bà H trả lại cho ông Thọ. Nên hiện nay ông Tkhông còn nợ bà H số tiền nào nữa.

* Bị đơn bà Võ Thị Đ trình bày: Giữa bà Đ với bà H không quan hệ quen biết nên không có việc vay mượn tiền theo như bà H trình bày. Còn việc bà H có chuyển vào tài khoản bà Đ 20.000.000đ là do ông T kêu bà H chuyển dùm thông qua tài khoản bà Đ.

Việc bà Đ chuyển tiền cho bà H 2 lần với số tiền 10.000.000đ là do bà H nhắn tin làm phiền bà Đ vì ông Tnợ tiền bà H nên bà Đ hỏi ông T đã trả 105.000.000đ rồi mà sao còn nợ thì ông T kêu bà Đ không nên quan tâm. Vì muốn yên ổn trong gia đình

nên bà Đ chấp nhận trả cho bà H mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi trả xong 98.000.000đ. Nhưng khi trả được 02 tháng thì ông Tnói không còn nợ bà H gì nữa vì đã trả hết nợ rồi nên bà Đ không trả nữa. Việc bà H cho rằng bà Đ mượn tiền thì bà H cung cấp giấy tờ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày:* ông Th là chồng của bà H, việc ông T bà Đ vay tiền của bà H như thế nào thì ông Thđều biết vì bà H nói lại với ông Th. Cho nên những gì bà H trình bày tại phiên tòa là đúng sự thật và ông Th đồng ý với lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của bà H. Số tiền bà H cho ông T bà Đvay là của chung vợ chồng nhưng ông Thđồng ý để cho một mình bà H khởi kiện và nhận tiền trả nợ từ vợ chồng ông T.

** Người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim C trình bày:* bà Ch là người quen biết với ông T và bà H. Vào tháng 11 và 12-2022 bà H có nhờ bà Ch đưa trực tiếp cho ông T 2 lần với tổng số tiền 70.000.000đ, ngoài ra bà Chcòn chứng kiến bà H đưa tiền cho ông Tnên ông Tnợ tiền bà H là có thật.

- Đại diện VKS phát biểu quan điểm về quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thành phần những người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Bà Trần Thị Kim H yêu cầu ông Phạm Chí T và bà Võ Ngọc Đ trả số tiền còn nợ lại là 90.000.000đ. Ông Tcho rằng do ông Tviết giấy nợ bà H 100 triệu trước nhưng chưa nhận đủ tiền và ngày 01-10-2022 đã chuyển khoản trả bà H 105 triệu nên số tiền bà Chđưa và bà H chuyển khoản cho bà Đlà số tiền bà H trả lại cho ông Thọ. Bà Đ không công nhận nợ của bà H, do bà H đòi tiền muốn yên chuyện gia đình nên bà Đ đồng ý nợ của bà H 98 triệu và thống nhất không lãi là 100 triệu, đã trả 10 triệu, còn lại 90 thì ông Tnói trả rồi nên bà Đ không đồng ý trả nữa.

Qua tài liệu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thể hiện:

- Bà H khai cho ông T vay 3 lần, 1 lần 70 triệu không có giấy tờ, đã trả xong, lần 2 vay 100 triệu giấy vay ngày 06/9/2022, đã trả ngày 01-10-2022 số tiền 105 triệu. Lần 3 vay không làm giấy tổng số tiền 98 căn cứ giấy cũ là 100 triệu và nhờ bà Chđưa tiền mặt cho ông T 70 triệu, trong đó ông T cho ông Dv ay 50 triệu ông D có trả lãi chuyển khoản lần mỗi lần 7,5 triệu; và chuyển khoản cho bà Đ vợ ông T20 triệu, và 2 lần khác 8 triệu, tổng số tiền 98 triệu nhưng thống nhất không tính lãi nên tình số tiền nợ là 100 triệu, đã trả 10 triệu bà Đchuyển khoản, ông T bà Đcòn nợ lại 90 triệu.

- Theo bản sao kê của Ngân hàng AgriBank tài khoản của bà H có ghi nhận: Ngày 01-10-2022 đã bà Đ chuyển khoản 3 lần cho bà H tổng số tiền 105 triệu; ngày 19/12/2022 bà H chuyển cho bà Đ2 lần, 1 lần 19 triệu đồng và 1 lần 1 triệu đồng, tổng cộng 20 triệu đồng; ngày 28-12-2023; ngày 03-02-2023 ghi D trả 7,5 triệu đồng ghi nội dung D chuyển lời. Ngày 05-4-2023 ngày 05-5-2023 ghi Võ Ngọc Đ chuyển khoản 5 triệu đồng.

- Ông Txác định có vay của bà H 1 lần 70 triệu đã trả tiền mặt, lần 2 vay 100 triệu đã trả chuyển khoản 105 triệu và đã trả hết, do làm giấy nợ trước 100 triệu nên số tiền nhận của bà Châu, bà H và chuyển khoản là tiền bà H trả lại do đã làm giấy vay

trước ông không nhớ ngày đưa; ngày 28-12-2022 và 03-2-2023 ông T có nói ông D chuyển vào tài khoản bà H là nhờ tài khoản bà H để trả cho ông Tsố tiền này.

- Bà Chxác định bà H nhờ đưa cho ông T ngày 26-11-2022 số tiền 50 triệu và ngày 07-12-2022 là 20 triệu đồng.

Qua các chứng cứ trên Viện kiểm sát nhận định và đề nghị sau:

- Các chứng cứ trên phù hợp với lời khai của bà H là đã cho ông T bà Đ vay 3 lần, các lần trước đã trả, lần 3 vay làm nhiều đợt 98 triệu không làm giấy vay nhưng thể hiện số tiền 70 triệu bà Chgiao cho ông T ngày 26-11 và ngày 07-12-2022, số tiền vay này ông T cho ông D vay lại nên ông T nói ông D chuyển khoản trả lãi cho bà H ngày 28-12-2022 và 03-2-2023 mỗi lần 7,5 triệu đồng. Do thống nhất giữa bà H với ông T bà Đ số tiền vay không trả lãi nên thành số nợ 100 triệu, bà Đ trả cho bà H mỗi tháng 5 triệu nên ngày 05-04-2023 và ngày 05-5-2023 bà Đ trả cho bà H mỗi lần 5 triệu nhưng sau đó bà Đ không trả nữa.

- Ông Tcho vay 2 lần, ngày 06-9-2022 ông viết giấy vay tiền trước của bà H nhưng thực tế mà không nhận đủ tiền của bà H, nên số tiền nhận từ bà Chvà bà Đnhận chuyển khoản từ bà H là để trả lại cho ông là không đúng trình tự vay trả tiền nên không có cơ sở xác định là thật.

- Bà Đ khai bà H nhờ chuyển trả cho ôngThọ qua tài khoản của bà, do muốn gia đình yên ổn nên đồng ý nợ của bà H 98 triệu trả mỗi tháng 5 triệu và trả 2 lần 10 triệu, số còn lại do ông Tnói đã trả rồi nên bà không trả tiếp, lời khai của bà Đ không có chứng cứ do đó cũng là không có cơ sở là sự thật.

Do đó có đủ chứng cứ xác định: ông T bà Đ nợ của bà H 100 triệu đồng, đã trả 10 triệu đồng còn nợ 90 triệu đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông T bà Đtrả cho bà H số tiền còn nợ là 90 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: ông Tcó vay của bà H nhiều lần với tổng số tiền số tiền 98.000.000đ vào năm 2022 nhưng đến nay ông Tkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện. Trên cơ sở đó HĐXX xác định đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và các bị đơn cư trú tại huyện Đ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ theo các Điều 26 và 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông T bà Đ có trách nhiệm trả số tiền 90.000.000đ trên cơ sở các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án. Còn ông Tthừa nhận có vay của bà H nhiều lần với số tiền theo như bà H trình bày nhưng ông Tđã trả xong nên không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Qua nội dung trên cho thấy: Trong thời gian từ tháng 11-2022 đến tháng 12-2022 bà H nhiều lần cho ông T vay với tổng số tiền 98.000.000đ, khi vay hai bên không làm giấy tờ nhưng ông Tthừa nhận về số tiền này. Trong quá trình vay ông T có nhờ ông

Dchuyển trả cho bà H số tiền lãi 15.000.000đ, đến tháng 3-2023 vợ chồng ông T bà Đthống nhất với bà H không còn phải trả lãi mà chỉ trả gốc số tiền 100.000.000đ. Ngày 05-4-2023 bà Đ chuyển trả 5.000.000đ, ngày 05-5-2023 bà Đchuyển trả thêm 5.000.000đ tổng cộng 10.000.000đ còn lại 90.000.000đ đến nay vẫn chưa trả. Qua đó thể hiện ông T bà Đ còn nợ bà H số tiền 90.000.000đ nêu trên.

Ông Tđã thừa nhận có việc vay tiền của bà H và cho rằng đã trả thông qua các phiếu chuyển tiền ngày 01-10-2022 do ông Tcung cấp nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H. HĐXX nhận thấy, căn cứ vào giấy mượn tiền thể hiện, vào ngày 06-9-2022 ông T có vay của bà H 100.000.000đ có làm giấy tay nên vào ngày 01-10-2022 do ông T chuyển trả cho bà H 105.000.000đ là phù hợp. Còn số tiền vay 98.000.000đ ông Tcho rằng đã trả xong nhưng ông T không có gì để chứng minh về việc đã trả số tiền này nên không có cơ sở chấp nhận theo lời trình bày của ông Thọ.

Ngoài ra, theo bản sao kê của Ngân hàng thể hiện vào các ngày 28-12-2022 và 03-2-2023 ông D chuyển trả tiền lãi cho bà H 15.000.000đ theo yêu cầu của ông Thọ. Sau đó có sự thống nhất giữa bà H với ông T bà Đsố tiền vay không phải trả lãi mà trở thành 100.000.000đ nợ gốc và bà Đ có chuyển trả cho bà H mỗi tháng 5.000.000đ vào các ngày 05-04-2023 và ngày 05-5-2023 và sau đó bà Đ không trả nữa. Cho nên số tiền 10.000.000đ bà Đ chuyển trả cho bà H được xem là nợ gốc mà ông T bà Đ phải trả.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở xác nhận ông T bà Đ còn nợ bà H số tiền 90.000.000đ nên ông T bà Đcó trách nhiệm giao trả.

Còn bà Đ cho rằng việc giữa ông Tvới bà H vay tiền như thế nào bà Đ không rõ nên không có trách nhiệm trả nợ cho bà H. Qua ý kiến của bà Đcho thấy bà Đlà vợ của ông Thọ, trong quá trình ông T vay tiền của bà H thì bà Đ có biết và được bà H chuyển 20.000.000đ vào tài khoản của bà Đ, đến khi bà H đòi tiền thì vào tháng 4 và tháng 5-2023 bà Đ chuyển trả 2 lần với số tiền 10.000.000đ. Từ đó cho thấy bà Đ có nhận tiền của bà H nên bà Đcó trách nhiệm cùng với ông Ttrả nợ cho bà H.

[3] Đối với người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T: ông Th là chồng bà H, số tiền 90.000.000đ ông T bà Đ nợ là tiền chung của bà H ông Thành, nhưng tại phiên tòa ông Th không yêu cầu ông T bà Đtrả cho ông Thmà trả cho bà H nên HĐXX không xét đến.

[4] Về án phí: ông T bà Đ phải chịu án phí theo quy định; bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1) Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí tòa án; Tuyên xử:

2) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H đối với ông Phạm Chí T và bà Võ Ngọc Đ.

3) Ông Phạm Chí T và bà Võ Ngọc Đ phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4) Án phí:

- Ông Phạm Chí T và bà Võ Ngọc Đ phải chịu 4.500.000đ án phí DSST.

- Bà Trần Thị Kim H không phải chịu án phí. H trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí 2.250.000đ theo biên lai thu tiền số 004156 ngày 16-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.